



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.145.935.311.124	1.305.348.707.650
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.583.683.996	254.451.111.627
111	1. Tiền		11.378.057.219	90.746.869.576
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.205.626.777	163.704.242.051
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.968.540.785	17.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.968.540.785	17.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		892.932.959.163	877.792.117.301
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	375.259.024.469	227.299.272.983
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	480.504.341.053	594.890.875.116
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	41.026.769.584	59.290.561.594
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.857.175.943)	(3.688.592.392)
140	IV. Hàng tồn kho	8	209.898.699.292	126.865.583.767
141	1. Hàng tồn kho		209.898.699.292	126.865.583.767
149	1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.551.427.888	29.239.894.955
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	8.407.974.105	8.891.864.437
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.002.467.196	12.669.871.295
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	140.986.587	7.678.159.223
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		982.187.744.180	929.215.075.985
220	II. Tài sản cố định		245.753.937.158	272.675.170.946
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	162.519.659.249	185.899.729.507
222	- Nguyên giá		224.213.536.660	239.769.888.824
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(61.693.877.411)	(53.870.159.317)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	83.234.277.909	86.775.441.439
228	- Nguyên giá		83.279.277.909	86.820.441.439
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(45.000.000)	(45.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		142.548.502.797	60.380.817.701
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		142.548.502.797	60.380.817.701
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	227.988.793.300	200.547.912.600
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295.089.294.645	295.089.294.645
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(77.175.501.345)	(94.541.382.045)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.075.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		365.896.510.925	395.611.174.738
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	302.884.050.915	326.753.467.751
269	2. Lợi thế thương mại		63.012.460.010	68.857.706.987
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.128.123.055.304	2.234.563.783.635



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.233.028.165.976	1.406.479.109.320
310	I. Nợ ngắn hạn		878.096.785.976	1.104.393.874.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	147.323.561.971	233.053.534.423
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.297.777.396	2.032.192.077
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	11.867.134.347	438.026.795
314	4. Phải trả người lao động		104.356.664	823.374.808
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		187.500.000	348.628.543
316	5. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	5. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		473.234.836	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	57.536.729.174	9.285.704.139
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	654.751.779.106	854.806.253.986
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.554.712.482	3.606.159.464
330	II. Nợ dài hạn		354.931.380.000	302.085.235.085
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	32.500.000	47.500.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	354.898.880.000	302.037.735.085
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		895.094.889.328	828.084.674.315
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	895.094.889.328	828.084.674.315
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		693.299.280.000	693.299.280.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693.299.280.000	693.299.280.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.249.100.000)	(3.001.100.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.761.921.400	7.727.786.496
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		146.027.445.794	80.151.676.197
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		78.217.478.267	68.306.032.587
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		67.809.967.527	11.845.643.610
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		49.255.342.134	49.907.031.622
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.128.123.055.304	2.234.563.783.635

2007
CÔNG
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP
KHẨU QUẢNG BÌNH
NG T.P



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
9 tháng đầu năm 2017**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm 2017		Kỳ kế toán từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	9 tháng đầu năm 2016
			Kỳ kế toán từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	9 tháng đầu năm 2017		
						VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	853.216.863.040	2.675.893.790.088	1.014.925.255.526	3.675.286.943.330
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		853.216.863.040	2.675.893.790.088	1.014.925.255.526	3.675.286.943.330
11	4. Giá vốn hàng bán	19	803.791.256.460	2.523.303.999.637	968.229.677.646	3.521.048.095.874
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.425.606.580	152.589.790.451	46.695.577.880	154.238.847.456
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.078.616.391	8.701.507.754	12.660.020.092	29.012.433.278
22	7. Chi phí tài chính	21	11.158.526.364	30.989.036.605	11.479.578.556	86.455.411.647
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		15.691.507.887	44.129.559.358	15.087.465.433	44.875.453.540
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	22	3.182.719.226	19.030.813.192	3.969.662.995	26.861.847.288
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	8.350.452.710	25.729.782.479	11.786.581.746	27.140.430.841
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.812.524.671	85.541.665.929	32.119.774.675	42.793.590.958
31	12. Thu nhập khác		1.313.233.296	3.373.952.513	1.152.266.680	1.953.635.678
32	13. Chi phí khác		1.036.850.926	2.639.796.026	979.115.210	1.071.563.140
40	14. Lợi nhuận khác		276.382.370	734.156.487	173.151.470	882.072.538
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.088.907.041	86.275.822.416	32.292.926.145	43.675.663.496
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		6.012.063.137	18.556.799.150	5.050.019.974	8.451.524.090



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hệ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ kế toán từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	9 tháng đầu năm 2017	Kỳ kế toán từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	9 tháng đầu năm 2016
					VND
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				VND
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.076.843.904	67.719.023.266	27.242.906.171	35.224.139.406
61	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	22.074.839.648	67.809.967.527	27.242.906.171	35.225.320.981
62	Lợi nhuận sau thuế của Công ty không kiểm soát	1.002.004.256	(90.944.261)		(1.181.575)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24			550



(Handwritten signature)

Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		86.275.822.416	43.675.663.496
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		17.225.056.038	6.487.249.654
03	- Các khoản dự phòng		(17.197.297.149)	38.006.268.837
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		154.998.835	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.469.272.145)	(15.068.374.630)
06	- Chi phí lãi vay		44.129.559.358	44.875.453.540
08	12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		129.118.867.353	117.976.260.897
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(84.294.146.027)	312.311.076.938
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(83.033.115.525)	139.394.770.747
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(38.173.436.788)	(272.596.602.912)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		24.353.307.168	(320.925.804.027)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(45.003.495.568)	(44.191.009.096)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(822.704.507)	(20.041.745.892)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(97.854.723.894)	(88.073.053.345)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(33.448.278.565)	(118.803.106.193)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		17.000.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.075.000.000)	(3.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	3.600.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(56.713.780.885)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.000.000.000	38.629.575.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.951.904.793	15.153.234.563
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.428.626.228	(121.734.077.515)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		(248.000.000)	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.775.089.595.716	2.145.660.421.407
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.922.282.925.681)	(2.229.133.095.378)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(30.517.800.125)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(147.441.329.965)	(113.990.474.096)

1073
ĐNG
Đ PH
NHÀ
JANG
ĐNG T

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**9 tháng đầu năm 2017**
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(235.867.427.631)	(323.797.604.956)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		254.451.111.627	350.115.550.587
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>18.583.683.996</u>	<u>26.317.945.631</u>

**Trần Thị Yến Chi**
Người lập**Bùi Thị Ngọc**
Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Thanh Hương**
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2017

38/
TY
ÂN
KH
BÌNH
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Phục Hòa, Cao Bằng	98,00%	98,00%	Kinh doanh thương mại các sản phẩm phục vụ
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất	Hà Nội	36,29%	51,00%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

Theo nghị quyết số 02-09/2016/NQ-HĐQT ngày 13/09/2016 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình thực hiện chuyển nhượng 1.132.500 cổ phiếu (tương ứng 14,71% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất cho 02 nhà đầu tư cá nhân. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau chuyển nhượng là 36,29%. Tháng 11/2016, Công ty đã được 02 nhà đầu tư cá nhân trên ủy quyền đại diện phần vốn của họ tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty sau ngày ủy quyền là 51%, Công ty tiếp tục chi phối hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư và XNK Hóa chất. Do đó, khoản đầu tư này được trình bày trên khoản mục "Đầu tư vào công ty con" trên báo cáo tài chính riêng và được hợp nhất là công ty con trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

020
CỔ
CỔ
QUẢN
H BÀNG

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 15 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 06 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 09 năm |

730
JGT
PHÂN
TẬP K
GBINH
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

78. C
TÀI
PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.397.319.167	1.772.338.544
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.980.738.052	88.974.531.032
Các khoản tương đương tiền	7.205.626.777	163.704.242.051
	<u>18.583.683.996</u>	<u>254.451.111.627</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	11.968.540.785	11.968.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	11.968.540.785	11.968.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn	10.075.000.000	10.075.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.075.000.000	10.075.000.000	-	-
	22.043.540.785	22.043.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295.089.294.645	217.913.793.300	295.089.294.645	200.547.912.600
	295.089.294.645	217.913.793.300	295.089.294.645	200.547.912.600
	295.089.294.645	217.913.793.300	295.089.294.645	200.547.912.600

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Hải Phòng	19,17%	19,17%	Sản xuất phân bón

3.T.P
 NHẬP
 2007
 3.T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	48.477.256.226	101.294.446
Công ty TNHH Hoàng Trung	23.071.655.913	31.521.655.913
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thủy	47.189.312.478	19.749.687.889
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	26.775.439.232	30.410.278.881
Công ty Sw Intertrade Trading	44.985.026.108	24.797.359.446
Ông Nguyễn Lã Thảo	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	3.140.352.859	9.361.856.852
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	30.807.296.807	10.225.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ Nam Phương	28.880.000.000	-
HEARTYCHEM CORPORATION	9.279.985.500	
Các khoản phải thu khách hàng khác	112.652.699.346	77.132.139.556
	<u><u>375.259.024.469</u></u>	<u><u>227.299.272.983</u></u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	375.259.024.469	227.299.272.983
	<u><u>375.259.024.469</u></u>	<u><u>227.299.272.983</u></u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/09/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	-	-	168.673.963.097	-
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	33.860.064.250	-	40.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư AFC	47.153.500.000	-	99.701.750.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoàng Đức	-	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Phân Bón Đình Vũ	89.191.329.262	-	7.786.000.000	-
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	146.454.473.768	-	7.476.948.984	-
Công ty Cổ phần phân bón Miền Nam	-	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Dững Huy	-	-	47.034.134.000	-
Trả trước cho người bán khác	163.844.973.773	-	184.218.079.035	-
	<u><u>480.504.341.053</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>594.890.875.116</u></u>	<u><u>-</u></u>

30/09/2017
CÔNG TY
AN
KH
NH
TÀI PH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	6.208.371.017	-	6.208.371.017	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.714.031.610	-	2.770.667.422	-
Phải thu lãi ứng trước tiền hàng cho DAP2 - Vinachem	5.347.569.979	-	3.762.650.648	-
Tạm ứng	11.077.031.735	-	12.413.023.085	-
Ký cược, ký quỹ	13.133.209.752	-	31.075.237.237	-
Cho mượn	144.828.773	-	-	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác	801.291.235	-	2.006.017.341	-
Phải thu khác	2.600.435.483	-	1.054.594.844	-
	41.026.769.584	-	59.290.561.594	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	534.606.277	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	24.492.024.195	-	24.934.087.696	-
Công cụ, dụng cụ	727.735.851	-	447.774.691	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.482.628.100	-	4.793.767.533	-
Thành phẩm	27.381.826.635	-	20.571.236.598	-
Hàng hoá	145.279.878.234	-	76.118.717.249	-
	209.898.699.292	-	126.865.583.767	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	139.073.792.766	67.619.675.398	31.031.674.202	2.044.746.458	-	239.769.888.824
- Mua trong kỳ	75.000.000	-	994.109.090	237.490.909	-	1.306.599.999
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.516.305.443	-	-	-	-	2.516.305.443
- Thanh lý, nhượng bán	(18.413.433.134)	-	(932.000.000)	(33.824.472)	-	(19.379.257.606)
Số dư cuối kỳ	123.251.665.075	67.619.675.398	31.093.783.292	2.248.412.895	-	224.213.536.660
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	45.044.563.073	2.909.252.004	5.158.762.279	757.581.961	-	53.870.159.317
- Khấu hao trong kỳ	5.373.965.888	3.509.232.408	2.256.563.255	240.047.510	-	11.379.809.061
- Thanh lý, nhượng bán	(3.378.897.440)	-	(163.100.007)	(14.093.520)	-	(3.556.090.967)
Số dư cuối kỳ	47.039.631.521	6.418.484.412	7.252.225.527	983.535.951	-	61.693.877.411
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	94.029.229.693	64.710.423.394	25.872.911.923	1.287.164.497	-	185.899.729.507
Tại ngày cuối kỳ	76.212.033.554	61.201.190.986	23.841.557.765	1.264.876.944	-	162.519.659.249

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	86.775.441.439	45.000.000	86.820.441.439
- Thanh lý, nhượng bán	(3.541.163.530)	-	(3.541.163.530)
Số dư cuối kỳ	83.234.277.909	45.000.000	83.279.277.909
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	45.000.000	45.000.000
Số dư cuối kỳ	-	45.000.000	45.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	86.775.441.439	-	86.775.441.439
Tại ngày cuối kỳ	83.234.277.909	-	83.234.277.909

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	7.772.785.980	7.867.712.010
Công cụ dụng cụ xuất dùng	340.724.122	265.819.092
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	294.464.003	758.333.335
	8.407.974.105	8.891.864.437
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	287.620.527.660	314.640.611.052
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	4.655.810.161	1.423.361.624
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.314.864.769	6.262.202.347
Chi phí sửa chữa tài sản	3.284.039.284	2.478.768.704
Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	-	1.039.318.111
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.008.809.041	909.205.913
	302.884.050.915	326.753.467.751

73087
GTY
HÂN
ÁP KH
BÌNH
.P HẢI F

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Marubeni	-	-	28.996.717.355	28.996.717.355
Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ	1.317.807.861	1.317.807.861	153.361.399.576	153.361.399.576
Công ty TNHH TMDV Hiệp Quang	1.514.647.014	1.514.647.014	23.139.322.014	23.139.322.014
Công ty Cổ phần phân bón Miền Nam	20.609.396.867	20.609.396.867	-	-
MERRYCORN PTE.LTD	47.603.053.748	47.603.053.748	-	-
Công ty Cổ phần Sao Thái Dương	32.499.100.000	32.499.100.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	43.779.556.481	43.779.556.481	27.556.095.478	27.556.095.478
	<u>147.323.561.971</u>	<u>147.323.561.971</u>	<u>233.053.534.423</u>	<u>233.053.534.423</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	147.323.561.971	147.323.561.971	233.053.534.423	233.053.534.423
	<u>147.323.561.971</u>	<u>147.323.561.971</u>	<u>233.053.534.423</u>	<u>233.053.534.423</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	91.119.050		332.492.705		63.051.854.873		63.098.911.006		18.737.093		213.054.615	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	33.176.093		-		5.124.567.324		5.091.391.231		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.553.864.080		-		18.630.980.028		822.704.507		22.704.507		10.277.115.948	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		24.131.062		48.397.998		72.529.060		-		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		81.403.028		2.743.486.628		1.447.925.872		-		1.376.963.784	
Các loại thuế khác	-		-		106.280.540		205.825.527		99.544.987		-	
	7.678.159.223		438.026.795		89.705.567.391		70.739.287.203		140.986.587		11.867.134.347	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
- Kinh phí công đoàn	116.499.461		82.057.509	
- Bảo hiểm xã hội	135.174.934		-	
- Bảo hiểm y tế	19.120.953		-	
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.498.180		-	
- Phải trả về cổ phần hoá	833.000.000		833.000.000	
- Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu	48.227.750.922		1.628.840.178	
- Tập đoàn hóa chất Việt Nam	4.739.922.009		4.739.922.009	
- Liên danh Trảng Thi	1.434.675.355		1.483.411.930	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.022.087.360		518.472.513	
	57.536.729.174		9.285.704.139	
b) Dài hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	32.500.000		47.500.000	
	32.500.000		47.500.000	
	32.500.000		47.500.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUÁNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	847.131.733.986	847.131.733.986	1.710.309.938.216	1.902.783.553.096	654.658.119.106	654.658.119.106
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	252.600.000.000	252.600.000.000	725.768.865.000	610.768.865.000	367.600.000.000	367.600.000.000
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH ⁽²⁾	55.855.500.000	55.855.500.000	36.892.387.085	92.747.887.085	-	-
- Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽³⁾	185.096.000.000	185.096.000.000	250.603.432.107	435.699.432.107	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	149.583.500.000	149.583.500.000	148.137.500.000	260.321.000.000	37.400.000.000	37.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	132.806.200.000	132.806.200.000	6.506.550.729	139.312.750.729	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	11.626.533.986	11.626.533.986	7.234.945.512	18.861.479.498	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tô Hiệu	-	-	2.539.700.000	1.453.450.000	1.086.250.000	1.086.250.000
- Ngân hàng NN&PT Nông thôn - Chi nhánh Thủ Đức ⁽⁵⁾	58.000.000.000	58.000.000.000	47.000.000.000	58.000.000.000	47.000.000.000	47.000.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng ⁽⁶⁾	-	-	240.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	117.033.120.000	65.385.120.000	51.648.000.000	51.648.000.000
- Ngân hàng Hong Leong ⁽⁸⁾	-	-	13.804.088.502	13.804.088.502	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp Hà Nội ⁽⁹⁾	-	-	63.923.875.560	60.389.696.842	3.534.178.718	3.534.178.718
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽¹⁰⁾	-	-	50.485.473.721	25.695.783.333	24.789.690.388	24.789.690.388



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

	01/01/2017		Trong kỳ		30/09/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay các cá nhân	1.564.000.000	1.564.000.000	380.000.000	344.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)						
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.674.520.000	7.674.520.000	-	7.580.860.000	93.660.000	93.660.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	-	280.980.000	93.660.000	93.660.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Hà Nội	299.880.000	299.880.000	-	299.880.000	-	-
	854.806.253.986	854.806.253.986	1.710.309.938.216	1.910.364.413.096	654.751.779.106	654.751.779.106
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn ⁽¹⁾	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽²⁾	749.280.000	749.280.000	-	-	749.280.000	749.280.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽³⁾	160.363.825.085	160.363.825.085	54.704.687.500	11.918.512.585	203.150.000.000	203.150.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁵⁾	924.630.000	924.630.000	74.970.000	-	999.600.000	999.600.000
	302.037.735.085	302.037.735.085	64.779.657.500	11.918.512.585	354.898.880.000	354.898.880.000

T.P. / 30 / 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ này	653.299.280.000	(3.001.100.000)	7.727.786.496	80.151.676.197	49.907.031.622	828.084.674.315
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	67.809.967.527	(90.944.261)	67.719.023.266
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.034.134.904	(3.119.006.853)	-	(1.084.871.949)
Tặng khác	-	-	-	1.184.808.923	-	1.184.808.923
Giảm khác	-	(248.000.000)	-	-	(560.745.227)	(808.745.227)
Số dư cuối kỳ này	653.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	146.027.445.794	49.255.342.134	895.094.889.328

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Thanh Bình	100.000.000.000	14,42%	100.000.000.000	14,42%
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Ông Daniel Rodney Badger	53.435.500.000	7,71%	54.679.500.000	7,89%
Cổ đông khác	447.857.990.000	64,60%	446.613.990.000	64,42%
	693.299.280.000	100%	693.299.280.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	9 tháng đầu năm 2017 VND	9 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	639.999.280.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	693.299.280.000	639.999.280.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	693.299.280.000	639.999.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	44.799.949.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	44.799.949.600

d) Cổ phiếu

	30/09/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.761.921.400	7.727.786.496
	9.761.921.400	7.727.786.496



17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÈ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	30/09/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	112.374,03	1.444.931,45

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3/2017 VND	Quý 3/2016 VND
Doanh thu bán hàng	785.329.856.246	967.201.538.302
Doanh thu bán thành phẩm	30.183.155.415	14.884.262.217
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.703.851.379	32.839.455.007
	853.216.863.040	1.014.925.255.526



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	26.694.522.375	11.641.839.286
Giá vốn của hàng hóa đã bán	770.624.111.970	954.043.173.456
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.472.622.115	2.544.664.904
	803.791.256.460	968.229.677.646

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	681.343.462	578.947.333
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	987.158.843	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	11.850.853.207
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	410.114.086	230.219.552
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
	2.078.616.391	12.660.020.092

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	15.691.507.887	15.087.465.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	353.726.942	1.578.826.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	154.998.835	-
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(5.041.707.300)	(5.186.713.582)
Chi phí tài chính khác	-	-
	11.158.526.364	11.479.578.556

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.124.999	58.964.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.865.305	143.565.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.449.884.570	3.760.784.684
Chi phí khác bằng tiền	639.844.352	6.349.191
	3.182.719.226	3.969.662.995

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.550.231	99.588.514
Chi phí nhân công	2.751.913.765	4.436.902.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	437.126.015	517.020.912
Thuế, phí, lệ phí	991.300.400	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.073.953.797	571.785.109
Chi phí khác bằng tiền	3.016.608.502	6.161.284.883
	8.350.452.710	11.786.581.746

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	67.809.967.527	35.225.320.981
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	67.809.967.527	35.225.320.981
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	69.329.928	63.999.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	978	550

378 -
TY
N
KHẨU
H
HAI PH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 . Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016.

Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2017

